

Số: 03 /2014/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 27 tháng 01 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc quy định chế độ thu nộp, quản lý và sử dụng phí vệ sinh (rác thải)
trên địa bàn Thành phố Nam Định**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH ngày 28/8/2001;

Căn cứ Nghị định số 57/NĐ-CP ngày 03/6/2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành pháp lệnh thu phí và lệ phí; Nghị định số 24/2006/NĐ - CP ngày 06/3/2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ - CP;

Căn cứ Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định của Pháp luật về phí và lệ phí; Thông tư số 45/2005/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT - BTC ngày 16/10/2006 của Bộ Tài chính Hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của HĐND Tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương;

Căn cứ Nghị quyết số 28/2013/NQ- HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định về việc quy định mức thu phí vệ sinh (rác thải) trên địa bàn thành phố Nam Định;

Xét đề nghị của UBND thành phố Nam Định tại Tờ trình số 07/TTr-UBND ngày 15/01/2014, Sở Tài chính tại Tờ trình số 113/TTr- STC ngày 23/01/2014 về việc quy định phương thức, nộp quản lý, sử dụng phí vệ sinh (rác thải) trên địa bàn thành phố Nam Định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí vệ sinh (rác thải) trên địa bàn thành phố Nam Định như sau:

1. Đối tượng nộp phí vệ sinh (rác thải) là các hộ gia đình, cá nhân thuê phòng trọ, hộ kinh doanh nhỏ, tổ chức cơ quan và chủ đầu tư các công trình xây dựng trên địa bàn thành phố Nam Định được cung cấp dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý rác.

2. Các cơ quan, đơn vị tổ chức thu nộp quản lý, phí vệ sinh là Công ty TNHH một thành viên môi trường Nam Định; UBND các phường, xã thuộc thành phố Nam Định; Sở Xây dựng; Phòng Quản lý đô thị thành phố Nam Định.

3. Mức thu phí vệ sinh (rác thải) theo quy định tại Nghị quyết số 28/2013/NQ- HĐND ngày 12/12/2013 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định.

(có biểu mức thu chi tiết kèm theo)

4. Quản lý và sử dụng phí vệ sinh (rác thải):

- Cơ quan, đơn vị thu phí có trách nhiệm thu đúng quy định của pháp luật; khi thu phải lập và cấp Biên lai thu phí cho đối tượng nộp theo quy định của Bộ Tài chính về phát hành, quản lý sử dụng ấn chỉ thuế và phải tiến hành niêm yết công khai nội dung thu, mức thu tại trụ sở nơi làm việc.

- Các cơ quan đơn vị tổ chức thu được trích không quá 10% trên tổng số thu để chi cho các hoạt động tổ chức thu phí. Số còn lại để thanh toán cho đơn vị dịch vụ thu gom rác.

5. Các nội dung khác liên quan đến thu nộp, quản lý, sử dụng, công khai chế độ thu nộp, chứng từ thu phí không đề cập tại Quyết định này được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí; Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung Thông tư số 63/2002/TT-BTC.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các cơ quan: Sở Tài chính, Cục Thuế tỉnh, Kho bạc Nhà nước tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Nam Định các cơ quan, đơn vị tổ chức thu phí có tên tại Điều 1 và các đối tượng nộp phí chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Như Điều 3;
- Sở Tư pháp;
- Website: UBND tỉnh, VP UBND tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VPI, VP6.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Tuấn

BIỂU MỨC THU PHÍ VỆ SINH (RÁC THẢI) TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH

(Ban hành theo Quyết định số: 03/2014/QĐ-UBND ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Nam Định)

TT	ĐỐI TƯỢNG NỘP PHÍ	MỨC THU
I	Các hộ gia đình	
1	Hộ có 1 - 2 khẩu	6.000 đồng/hộ/tháng
2	Hộ có 3 - 4 khẩu	9.000 đồng/hộ/tháng
3	Hộ có 5 khẩu trở lên	15.000 đồng/hộ/tháng
4	Cá nhân cư trú tại các phòng cho thuê trọ	3.000 đồng/người/tháng
II	Các hộ kinh doanh nhỏ	
1	Cửa hàng bán hoa, cửa hàng rửa xe ô tô, xe máy, xe đạp	70.000 đồng/hộ/tháng
2	Cửa hàng ăn uống bán 1 buổi (sáng, trưa, chiều hoặc tối), Hộ kinh doanh giải khát, Cà phê, Karaoke, Đại lý bánh kẹo.	50.000 đồng/hộ/tháng
3	Hộ kinh doanh hàng tạp hoá, Đồ lưu niệm, Đồ điện, Vật liệu xây dựng, Quán áo, Internet, Hiệu thuốc, Giấy dép, Điện thoại Văn phòng phẩm, Phụ tùng xe đạp, xe máy, chế tác vàng bạc, Nhôm kính, Hàng thủ công....	30.000 đồng/hộ/tháng
III	Các tổ chức cơ quan	
	- Trường hợp không xác định được khối lượng	
	+ Trường học, Cơ quan hành chính sự nghiệp.	70.000 đồng/đơn vị/tháng
	+ Trụ sở làm việc các doanh nghiệp	100.000 đồng/đơn vị/tháng
	+ Trung tâm dạy nghề, đào tạo việc làm; Doanh nghiệp, Xí nghiệp thành viên; Chi nhánh sản xuất - dịch vụ; Bệnh viện, phòng khám tư nhân; Khách sạn, Nhà Nghỉ, Chợ, Bến xe, Nhà ga, Công viên, Trung tâm thương mại, Cửa hàng dịch vụ - thương mại, Nhà hàng ăn uống...	200.000 đồng/đơn vị/tháng
	- Trường hợp xác định được khối lượng	160.000 đồng/m ³ (tỷ trọng 1m ³ = 0,42 tấn)
IV	Các công trình xây dựng	160.000 đồng/m ³ hoặc 0,05% giá trị xây lắp công trình